

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10-7-2023

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bình

2. Ông Mai Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2023; về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1972; nơi cư trú: đường P, tổ I, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; Chỗ ở hiện nay: Số E, đường L, tổ B, khu phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Anh Phan C, sinh năm 1970; nơi cư trú: đường P, tổ I, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Chị Nguyễn Thị P1, anh Phan C tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 1988, tại UBND xã Đ (nay là thị trấn Đ), huyện Đ. Sau khi kết hôn chị P, anh C chung sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C thường xuyên ăn nhậu về kiếm chuyện gây gổ, đánh đập chị P vô cớ; vì thương con và muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình nên chị P đã nhiều lần bỏ qua. Tuy nhiên, sau đó mặc dù bản thân chị P và gia đình nhiều lần khuyên bảo động viên nhưng anh C vẫn không thay đổi được. Do không chịu được cảnh bị anh C đánh đập nên vào tháng 01/2023 chị P đã bỏ đến nhà chị ruột sinh sống cho đến nay, cũng kể từ đó chị P, anh C ly thân và không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc gì nhau. Hiện nay chị P không còn tình cảm với anh C nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo hồ sơ vụ án bị đơn trình bày:

Anh Phan C đều nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi, nhưng vì sức khỏe nên anh C không tham gia. Anh Phan C, chị Nguyễn Thị P kết hôn vào năm 1988 tại UBND xã Đ (nay là thị trấn Đ), huyện Đ. Sau khi kết hôn anh C, chị P chung sống cùng gia đình anh C một thời gian sau đó ra ở riêng. Anh C, chị P phát sinh mâu thuẫn từ khi anh C bị tai biến, anh C không làm được ra tiền nên chị P xem thường, từ đó vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 2/2023 cho đến nay. Chị P yêu cầu được ly hôn thì anh C đồng ý. Về con chung, tài sản chung, nợ chung anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị **P** được ly hôn với anh **C**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn anh **Phan C** có nơi thường trú tại **huyện Đ** nên việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị P** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh **Phan C** nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt các đương sự, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Chị **Nguyễn Thị P1**, anh **Phan C** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 11 tháng 5 năm 1988, quyền số 02, sổ vào sổ 376, tại **Ủy ban nhân dân xã Đ** (nay là **thị trấn Đ**), **huyện Đ** đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị **P**, anh **C** chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thiếu quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, mặc dù cả hai đã tự động viên, khuyên bảo, nhau thay đổi chung sống hạnh phúc, nhưng không kết quả, nên vợ chồng sống ly thân. Hiện nay chị **P** không còn tình cảm với anh **C** nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Bản thân anh **C** cũng đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ, tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị **P** và anh **C** đã kéo dài, trầm trọng, hạnh phúc không thể hàn gắn, mục đích hôn

nhân không đạt được. Nên cần xử cho chị P được ly hôn với anh C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Các bên đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Cần buộc chị P phải chịu án phí ly hôn.

[7] Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014, 2018 và 2020;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị P.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Phan Cường

Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày 11 tháng 5 năm 1988, quyền số 02, số vào sổ 376, tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là thị trấn Đ), huyện Đ hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0015078, ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị P đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- UBND TT Đức Tài, huyện Đức Linh;
- C.C Thi hành án DS.h. Đức Linh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Trường